

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 06-6-2025

"V/ v tranh chấp: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lê;

2. Bà Trần Thị Chín;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị T, sinh ngày: 07/02/1992

Số căn cước công dân: 070192005866, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Xuân Đ, sinh ngày: 01/01/1979

Số căn cước công dân: 070079005040, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 08/12/2009. Vợ chồng chung sống được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng. Anh Mai Xuân Đ không chăm sóc, để ý con cái. Anh Mai Xuân Đ bỏ mặc các công việc trong gia đình cũng như vườn rẫy. Ngoài ra, từ đầu năm 2025 cho đến nay anh Mai Xuân Đ thường xuyên rượu chè, say xỉn, mắng chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình. Chị không thể chấp nhận cuộc sống hôn nhân như trên. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Mai Xuân Đ.

Về con chung: Chị và anh Mai Xuân Đ có 04 con chung tên là Mai Thị Bích Ng, sinh ngày: 15/10/2009, Mai Trường L, sinh ngày: 23/8/2012, Mai Thị Hồng Tr, sinh ngày: 28/8/2018 và Mai Thiên Â, sinh ngày: 5/5/2020. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 03 con là cháu Ng, cháu Tr và cháu Â. Còn cháu L giao cho anh Mai Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu anh Mai Xuân Đ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi 03 con thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Mai Xuân Đ vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Mai Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị Cao Thị T về việc chung sống và đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, to tiếng, có lời lẽ xúc phạm nhau. Lý do dẫn đến cãi vã từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Khi cãi vã thì chị Cao Thị T có cầm dao đe dọa và bóp cổ anh. Nay vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị Cao Thị T.

Về con chung: Anh và chị Cao Thị T có 04 con chung tên là Mai Thị Bích Ng, sinh ngày: 15/10/2009, Mai Trường L, sinh ngày: 23/8/2012, Mai Thị Hồng Tr, sinh ngày: 28/8/2018 và Mai Thiên Â, sinh ngày: 5/5/2020. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T về việc ly hôn với anh Mai Xuân Đ.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Mai Thị Bích Ng, sinh ngày: 15/10/2009, Mai Thị Hồng Tr, sinh ngày: 28/8/2018 và Mai Thiên Ân, sinh ngày: 5/5/2020 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Mai Trường L, sinh ngày: 23/8/2012 cho anh Mai Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Căn cứ vào Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, buộc anh Mai Xuân Đ cấp dưỡng nuôi dưỡng Mai Thị Bích Ng, Mai Thị Hồng Tr và Mai Thiên Ân, mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu. Buộc chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Mai Trường L là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi cháu thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Mai Xuân Đ (bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh Mai Xuân Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đa, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151/2009, ký ngày 08/12/2009. Lời khai của chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (*bút lục số 02*). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và*

pháp luật về hộ tịch”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Cao Thị T: chị Cao Thị T khai nhận quá trình chung sống giữa chị và anh Mai Xuân Đ nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng và xô xát với nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Cao Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét, quá trình giải quyết vụ án anh Mai Xuân Đ cũng thừa nhận giữa vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, to tiếng, có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau. Chị Cao Thị T xác nhận hiện nay chị không còn tình cảm với anh Mai Xuân Đ. Anh Mai Xuân Đ cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Mai Xuân Đ và chị Cao Thị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Cao Thị T đối với anh Mai Xuân Đ.

[4] Về con chung: chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ khai nhận anh chị có 04 con chung tên là Mai Thị Bích Ng, sinh ngày: 15/10/2009, Mai Trường L, sinh ngày: 23/8/2012, Mai Thị Hồng Tr, sinh ngày: 28/8/2018 và Mai Thiên Â, sinh ngày: 5/5/2020. Lời khai của chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Cao Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Mai Thị Bích Ng, Mai Thị Hồng Tr và Mai Thiên Â. Anh Mai Xuân Đ có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng 02 con. Xét, cháu Mai Thị Hồng Tr (7 tuổi) và cháu Mai Thiên Â (5 tuổi) còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Đặc biệt, cháu Hồng Tr và Thiên Â còn nhỏ tuổi chưa có khả năng tự chăm sóc cho bản thân nên cần sự chăm sóc chu đáo, tận tâm của người mẹ hơn so với người cha nên cần giao hai cháu Hồng Tr và Thiên Â cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Mai Thị Bích Ng và cháu Mai Trường L đang ở lứa tuổi dậy thì cần có sự chia sẻ từ người bố hoặc người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Xuân Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cháu Mai Thị Bích Ng có nguyện vọng được mẹ chăm sóc nên để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho Mai Bích Ng, tôn trọng sự lựa chọn của cháu Mai Thị Bích Ng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Mai Thị Bích Ng cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng;

Đối với cháu Mai Trường L có nguyện vọng giao cho Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng. Xét thấy thời gian vừa qua, cháu Mai Trường L được anh Mai Xuân Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho Mai Trường L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Mai Trường L cho anh Mai Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ đều có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết anh Mai Xuân Đ và chị Cao Thị T cũng thống nhất việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu. Xét thấy, như đã đề cập ở mục [4] thì chị Cao Thị T được giao nuôi dưỡng 03 cháu, anh Mai Xuân Đ được giao nuôi dưỡng 01 cháu. Căn cứ vào Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Mai Xuân Đ và chị Cao Thị T, cụ thể:

Buộc anh Mai Xuân Đ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Thị Bích Ng, cháu Mai Thị Hồng Tr và cháu Mai Thiên Â mỗi cháu là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi ba cháu thành niên.

Buộc chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Mai Trường L là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi cháu thành niên.

[6] Về tài sản chung: chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Cao Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T. Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Mai Xuân Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 151/2009, ký ngày 08/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Thị Bích Ng, sinh ngày: 15/10/2009, Mai Thị Hồng Tr, sinh ngày: 28/8/2018 và Mai Thiên Â, sinh ngày: 5/5/2020 cho chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Mai Trường L, sinh ngày: 23/8/2012 cho anh Mai Xuân Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Mai Xuân Đ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Thị Bích Ng, cháu Mai Thị Hồng Tr và cháu Mai Thiên Â mỗi cháu là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi hai con thành niên.

Buộc chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Mai Trường L là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi cháu thành niên.

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chia tài sản chung: Chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Cao Thị T và anh Mai Xuân Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009666 ký ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

Anh Mai Xuân Đ và chị Cao Thị T, mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh